TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 53/2022/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Lê Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn K thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn K thống nhất vợ chồng có 01 đứa con chung tên là Lê Thu H, sinh ngày 21/4/2004. Hiện nay con đang ở cùng chị T. Chị T và anh K thỏa thuận thống nhất giao con Lê Thu H cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng mặc dù con đã trưởng thành nhưng do con bị khuyết tật không đi lại được nên phải có người chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do có khả năng và điều kiện nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn K thống nhất thỏa thuận vợ chồng có một số tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu nhưng đề nghị Tòa án công nhận cụ thể như sau:

* Vợ chồng thống nhất thỏa thuận có một số tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 351 tờ bản đồ số 5 diện tích 132m^2 trong đó đất ở tại đô thị 90m^2 đất trồng cây hàng năm khác là 42m^2, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB056899 được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 25tháng 10 năm 2010 mang tên Lê Văn K và Ngô Thị T, trị giá 300.000.000 đồng.

+ 01 nhà cấp 4 đổ bằng có diện tích 90m^2 tọa lạc trên thửa đất 351 có trị giá 100.000.000 đồng.

+ Thửa đất số 06 tờ bản đồ số 40 diện tích 180m^2 trong đó đất ở tại nông thôn 180m^2 địa chỉ thửa đất: xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 8444099 được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2006 mang tên Lê Văn K và Ngô Thị T, trị giá 400.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung 800.000 đồng (Tám trăm triệu đồng)

*Vợ chồng thỏa thuận phân chia tài sản như sau:

+ Giao cho anh Lê Văn K được toàn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 351 tờ bản đồ số 5 diện tích 132m^2 trong đó đất ở tại đô thị 90m^2 đất trồng cây hàng năm khác là 42m^2, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB056899 được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 mang tên Lê Văn K và Ngô Thị T, trị giá 300.000.000 đồng. 01 nhà cấp 4 đổ bằng có diện tích 90m^2 tọa lạc trên thửa đất 351 tờ bản đồ số 5 có trị giá 100.000.000 đồng.

+ Giao cho chị Ngô Thị T được toàn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 06 tờ bản đồ số 40 diện tích 180m^2 trong đó đất ở tại nông thôn 180m^2, địa chỉ thửa đất: xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 8444099 được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2006 mang tên Lê Văn K và Ngô Thị T, trị giá 400.000.000 đồng

- *Về án phí:* Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn K mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị T thỏa thuận nộp thay toàn bộ án phí cho anh K. Tổng cộng án phí chị T phải nộp là 150.000 đồng. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 31AA/2021/0003930 ngày 27/10/2022. Chị T được hoàn trả số tiền 15.150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 ,và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND thị trấn Quán Hàu;

(GCNKH số: 20, quyển số 01/2000, ngày 01/12/2000)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường